

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2025

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Thúy Hằng và ông Trần Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: ông Huỳnh Đoàn D, sinh năm 1973; có mặt.

Địa chỉ: thôn Đại Ph, xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: bà Mai Thị Tuyết N, sinh năm 1974; có đơn vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Phú L, xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Đoàn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Đoàn D và bà Mai Thị Tuyết N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 01 năm 1993 tại UBND xã Hòa Th, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk) trên tình thân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, có nhiều mâu thuẫn trong gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, bà Nga có những lời chửi thô tục với ông D, nhưng hai bên tự hòa giải để tiếp tục chung sống. Đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do cách sống không phù hợp với nhau, không quan tâm đến nhau và hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, để ổn định cuộc sống ông D yêu cầu Tòa giải quyết cho ông D được ly hôn với bà N.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày: 30/12/1997 và Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu T có nguyện vọng muốn sống với bà N, nên ông D thống nhất giao con cho bà N nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung: ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2025 Bị đơn bà Mai Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: bà N kết hôn với ông D năm 1993, có đăng ký tại UBND xã Hòa Th, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk). Lúc đầu gia đình sống hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D uống rượu không lo làm ăn, nhiều khi đánh bà N và do quan niệm sống và cách sống không phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên can thiệp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, nay ông D xin ly hôn bà N đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung tên Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày: 30/12/1997 và Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T hiện sống với bà N, nay ly hôn bà N có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung: bà Mai Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn bà N xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk không tiến hành hòa giải được, vì vậy quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Việc nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông D; ông Huỳnh Đoàn D được ly hôn bà Mai Thị Tuyết N.

Về con chung: đối với con chung Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày: 30/12/1997 hiện nay đã trưởng thành, sống tự lập, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; đối với con chung Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010 ông D, bà N thỏa thuận thống nhất giao con cho bà N nuôi dưỡng,

ông D tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng, nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn ông Huỳnh Đoàn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, bị đơn bà Mai Thị Tuyết N hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn bà Mai Thị Tuyết N có lời trình bày và xin vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nga. Căn cứ Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Xét thấy ông Huỳnh Đoàn D và bà Mai Thị Tuyết N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của ông D và bà N được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đều biết nhưng không hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông D và bà N đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, ông D cũng không còn tình cảm gì với bà N, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D xin ly hôn với bà N.

[2.2] Đối với bà Mai Thị Tuyết N: tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2025 hiện nay bà Nga biết việc ông D xin ly hôn, bà N thống nhất ly hôn với ông D.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Huỳnh Đoàn D với bà Mai Thị Tuyết N mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống, giữa ông D với bà N có hai con chung tên Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày: 30/12/1997 và Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010, hiện nay cháu Đạt đã trưởng thành, sống tự lập, ông D, bà Nga không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với con tên Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010 ông D, bà N thống nhất thỏa thuận và theo nguyện vọng của con, giao cho bà N tiếp tục nuôi

dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2025.

[4] Về tài sản chung: ông D và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: ông D phải chịu án dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Đoàn D.

1. Quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Đoàn D được ly hôn với bà Mai Thị Tuyết N.

2. Về con chung: giao con chung tên Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 19/9/2010 cho bà Mai Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Đoàn D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2025 cho đến khi xảy ra một trong những căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Huỳnh Đoàn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Đoàn D chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005239 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắc Lắc). Nên ông D còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13;
- UBND xã Phú H
(Số 05/1993 ngày 05/01/1993);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoan

